BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1958 /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của Ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về "Một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới"

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
ĐẾN
GIỜ ... NGÀY 6/12
CHUYỂN ...

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị quyết số 01/2007/QH12 ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, kỳ họp thứ nhất về cơ cấu, tổ chức của Chính phủ và số Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ khoá XII;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ và cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2006/NQ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2006 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X và Nghị quyết của Quốc hội khóa XI về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về Một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Ngành Công Thương để thực hiện Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP về "Một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Giám đốc các Sở Công nghiệp, Sở Thương mại/ Thương mại du lịch; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các tập đoàn, tổng công ty, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Bí thư TW và các Ban của Đảng;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Sở Thương mại/Thương mại du lịch;
- Các Sở Công nghiệp
- Các UBND Tỉnh
- Các Thứ trưởng;
- Website Chính phủ,
- Website của Bộ Công Thương.
- Lưu VT, KHĐT.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2007

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Thực hiện Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về Một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

I. MỤC TIÊU

Ngày 27 tháng 02 năm 2007, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về "***Một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của WTO***" (Nghị quyết số 08-NQ/TW).

Với vai trò là cơ quan tham mưu của Chính phủ trong việc tạo ra môi trường pháp luật thúc đẩy công nghiệp, thương mại tăng trưởng trong bối cảnh nước ta đã là thành viên của WTO và thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Chương trình hành động của Ngành Công Thương nhằm đạt được các mục tiêu sau đây:

1. Mục tiêu chung:

Đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp, mở rộng thị trường và tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu trong điều kiện Việt Nam là thành viên của WTO, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bảo đảm đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Phấn đấu đưa giá trị sản xuất công nghiệp trong các năm 2008-2010 và những năm tiếp theo tăng bình quân trên 17%, đưa tốc độ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2006-2010 đạt trên 16%, giá trị gia tăng công nghiệp đạt 10,2-10,5%/năm[1]. Đẩy mạnh sản xuất những sản phẩm có giá trị gia tăng cao như sản phẩm cơ khí chế tạo, đóng tàu, điện tử, máy tính, điện gia dụng và các sản phẩm phục vụ xuất khẩu; đảm bảo đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế những sản phẩm công nghiệp chủ yếu như điện, than, xăng dầu, sắt thép, phân bón.... Nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, hệ thống doanh nghiệp, tham gia ngày càng nhiều hơn vào những khâu có giá trị gia tăng cao

---

[1] *Mục tiêu đặt ra trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2006-2010 là: giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 15-15,55; giá trị tăng thêm trong công nghiệp tăng 9,5-10,2%/năm; giá trị công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 43-44% GDP*

trong chuỗi giá trị toàn cầu và quá trình phân công lao động quốc tế nhằm góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

2.2. Phấn đấu tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá bình quân giai đoạn 2006-2010 đạt khoảng 20%, giảm nhập siêu. Cơ cấu hàng xuất khẩu chuyển dịch tích cực: đến năm 2010 sản phẩm chế biến, chế tạo chiếm 57%; sản phẩm nông nghiệp, thuỷ sản chiếm 12%; khoáng sản chiếm 8% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước[2]. Mở rộng thị trường nội địa, đưa mức đóng góp của thương mại nội địa trong GDP lên 15%. Gắn kết chặt chẽ khâu sản xuất với khâu lưu thông, giữa xuất khẩu - nhập khẩu với thị trường nội địa trong bối cảnh thực thi các cam kết WTO và các cam kết quốc tế khác nhằm đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước.

2.3. Phát triển mạnh hệ thống dịch vụ trực tiếp và gián tiếp như thăm dò, khảo sát, thiết kế kiểu dáng sản phẩm công nghiệp, kiểm định, đánh giá, định giá, cấp chứng chỉ, đạo tạo nghề... nhằm đảm bảo cho công nghiệp và thương mại phát triển theo hướng bền vững. Đồng thời đưa hệ thống dịch vụ này tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, thúc đẩy nhanh tốc độ tăng giá trị gia tăng trong công nghiệp và thương mại.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

1. Tổ chức tuyên truyền và quán triệt quan điểm của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế và những cơ hội, thách thức sau khi gia nhập WTO

1.1. Tổ chức có hiệu quả việc quán triệt chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế, những cơ hội và thách thức đặt ra khi Việt Nam là thành viên của WTO và phổ biến các cam kết của Việt Nam với WTO, ASEAN, ASEAN+ và các cam kết quốc tế khác để mọi cán bộ, công chức nắm vững và thực hiện.

1.2. Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức có liên quan để tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết về các nội dung cam kết cũng như những việc phải làm sau khi Việt Nam gia nhập WTO, định hướng thông tin phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước thông qua các hình thức ấn phẩm, tài liệu nghiên cứu đánh giá, các hội nghị, hội thảo và thuyết trình và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

2. Hoàn thiện môi trường thể chế, pháp luật tạo thuận lợi cho phát triển sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại

2.1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công thương phù hợp với các cam kết gia nhập WTO:

---

[2] *Mục tiêu đặt ra tại Đề án phát triển xuất khẩu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là kim ngạch xuất khẩu tăng 17,5%/năm trong giai đoạn 2006-2010; cân bằng cán cân thương mại vào năm 2010, cơ cấu các nhóm hàng xuất khẩu tương ứng là 13,7%, 9,6% và 54%*

- Phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ/ngành liên quan xây dựng và điều chỉnh Khung thuế suất thuế xuất khẩu, Khung thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi.

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm phù hợp với các cam kết quốc tế để bảo vệ thị trường nội địa và người tiêu dùng, cũng như các ngành non trẻ trong nước.

2.2. Nhanh chóng hoàn thiện khung pháp lý rõ ràng, cụ thể, có thể thực hiện được ngay, phục vụ chức năng quản lý Ngành như phát triển thị trường phát điện cạnh tranh, quản lý cạnh tranh, kiểm tra, giám sát thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng... nhằm tạo môi trường thuận lợi cho phát triển sản xuất - kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

3. Xây dựng, hoàn thiện chính sách công nghiệp góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia

3.1. Tổ chức điều tra, rà soát lại chiến lược, quy hoạch, chương trình và các dự án phát triển các sản phẩm công nghiệp có dung lượng thị trường lớn và có khả năng xuất khẩu cao gắn với việc phân tích, đánh giá khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm, nhu cầu của thị trường để điều chỉnh chiến lược, quy hoạch cho phù hợp với thực tiễn (nếu cần thiết) nhằm tận dụng hiệu quả lợi thế, vượt qua những khó khăn và thách thức của hội nhập và thực hiện các cam kết WTO.

3.2. Xây dựng và đề xuất với Chính phủ ban hành chính sách, cơ chế cần thiết để phát triển nhanh các ngành công nghiệp phụ trợ, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có khả năng tham gia và chiếm lĩnh một số khâu trong chuỗi giá trị toàn cầu cũng như trong dây chuyền phân công lao động quốc tế.

3.3. Trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương lập chương trình thu hút đầu tư trên nguyên tắc đa dạng hoá các nguồn đầu tư, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực và đảm bảo tính bổ trợ lẫn nhau trong phân bố công nghiệp giữa các vùng, miền, phát triển mạnh công nghiệp nhỏ ở nông thôn.

- Tiến hành rà soát, đề xuất điều chỉnh các đề án chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án phát triển công nghiệp của các vùng kinh tế trọng điểm.

3.4. Xây dựng và triển khai các chương trình cụ thể nhằm hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất nâng cao sức cạnh tranh. Trong đó, quan tâm đặc biệt tới các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, các doanh nghiệp ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

3.5. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất với Chính phủ ban hành chính sách, cơ chế cần thiết để thúc đẩy sự phát triển thị trường khoa học - công nghệ, công nghệ mới, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất - kinh doanh để góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và hệ thống doanh nghiệp.

3.6. Đề xuất với Chính phủ ban hành chính sách phát triển thị trường

điện cạnh tranh, đa dạng hóa nguồn cung cấp điện, bảo đảm đủ điện cho các ngành sản xuất - kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân.

4. Đẩy mạnh xuất khẩu để giảm nhập siêu, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng tích cực.

4.1. Rà soát, điều chỉnh lại mục tiêu phát triển xuất khẩu giai đoạn 2008-2010, đẩy nhanh tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân hàng năm giai đoạn 2006-2010 và dịch chuyển cơ cấu hàng xuất khẩu được dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chế biến, chế tạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước;

4.2. Xây dựng đề án phát triển xuất khẩu giai đoạn 2011-2015 theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chế biến, chế tạo, sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao, giảm tỷ trọng hàng xuất khẩu thô; đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ.

4.3. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại trên cơ sở đánh giá hiệu quả các chính sách, cơ chế về xúc tiến thương mại thời gian qua, hiệu quả các Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia trên các mặt: lựa chọn sản phẩm và thị trường xúc tiến, đơn vị chủ trì, đối tượng hưởng lợi, công tác chuẩn bị của doanh nghiệp chủ trì và các đơn vị tham gia xúc tiến, sự phối hợp của các cơ quan đại diện thương mại Việt nam tại nước ngoài, phân bổ nguồn lực…

4.4. Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất với Chính phủ ban hành chính sách, cơ chế hỗ trợ đầu tư và phát triển sản phẩm phù hợp với quy định của WTO thay cho các biện pháp hỗ trợ xuất khẩu đã sử dụng trước khi gia nhập WTO.

4.5. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Bộ Công Thương với các Hiệp hội ngành hàng xuất khẩu về xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược phát triển xuất khẩu các ngành hàng xuất khẩu; Tăng cường hỗ trợ, cung cấp thông tin thương mại, dự báo thị trường nhằm nâng cao năng lực tiếp cận thị trường xuất khẩu cho các doanh nghiệp.

4.6. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế kiểm soát nhập khẩu hiệu quả, phối hợp với các Bộ, ngành sử dụng các công cụ chính sách cần thiết để nhanh chóng thu hẹp khoảng cách giữa xuất khẩu và nhập khẩu tiến tới hạn chế nhập siêu, cải thiện cán cân thương mại.

4.7. Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất với Chính phủ ban hành các chính sách hữu hiệu nhằm thúc đẩy phát triển các dịch vụ quan trọng phục vụ sản xuất công nghiệp và thương mại, khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các hoạt động, dịch vụ công nghiệp và thương mại và chuyển giao công nghệ các dịch vụ này cho các doanh nghiệp nội địa.

5. Phát triển thương mại trên thị trường nội địa

5.1. Khẩn trương đánh giá và đánh giá lại thực trạng thị trường nội địa trong điều kiện mở cửa dịch vụ phân phối, từ đó đẩy mạnh việc thực hiện đề án phát triển

thương mại trong nước đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 27/2007/QĐ-TTg ngày 15/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Đề xuất các chính sách và giải pháp phát triển thị trường nội địa, phát triển hệ thống phân phối hiện đại và chuyên nghiệp của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh từ 01/01/2009 phải mở cửa cho các nhà phân phối nước ngoài, trước mắt tập trung phát triển nhanh một số nhà phân phối lớn của Việt Nam là nòng cốt trên thị trường nội địa

5.2. Hình thành và phát triển một số công trình thuộc kết cấu hạ tầng thương mại theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại ngang tầm khu vực và quốc tế tại một số tỉnh, thành phố lớn.

5.3. Tổ chức thực hiện và phối hợp với các Bộ, ngành nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, giám sát việc thực thi tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, an toàn vệ sinh thực phẩm, sở hữu trí tuệ, chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại, đăng ký kinh doanh nhằm góp phần tạo ra môi trường thương mại văn minh, hiện đại, bảo vệ quyền lợi nhà sản xuất và người tiêu dùng.

6. Phát triển công nghiệp nhỏ và vừa gắn với phát triển kinh tế nông thôn

6.1. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc:

- Đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/06/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tiêu thụ nông sản hàng hoá thông qua hợp đồng và mối liên kết "bốn nhà" nhằm nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả hoạt động của mối liên kết giữa các hộ nông dân, nuôi trồng thuỷ sản, khai thác hải sản với nhau và với các cơ sở chế biến, doanh nghiệp thương mại nhằm hình thành những vùng sản xuất hàng hoá lớn gắn với việc quản lý quá trình tăng trưởng, quản lý chất lượng và cung cấp thông tin thị trường cho các chủ thể sản xuất.

- Ban hành chính sách khuyến khích phát triển mạnh các doanh nghiệp, các hợp tác xã cổ phần sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và kinh doanh dịch vụ ở nông thôn, phát triển các làng nghề (một cách có chọn lọc), các cụm công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

- Ban hành chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp ở nông thôn đào tạo và sử dụng lao động tại chỗ, tạo thêm việc làm tại chỗ, góp phần giảm bớt áp lực lao động ở các thành phố lớn; đồng thời ban hành chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực xây dựng cơ sở dạy nghề để chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn;

- Nghiên cứu và đề xuất quy chế phát triển và quản lý công nghiệp theo Cụm liên kết công nghiệp.

6.2. Nghiên cứu và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu thương mại như kho tàng, chợ đầu mối để mở rộng thị trường nông thôn, tăng khả năng điều tiết lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường;

6.3. Đánh giá, tổng kết các mô hình phát triển thương mại vùng biên giới như chợ biên giới, khu kinh tế cửa khẩu, cơ chế quản lý mậu dịch biên giới. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả chỉ đạo hoạt động thương mại biên giới, nhằm tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, đẩy mạnh xuất khẩu, quản lý có hiệu quả nhập khẩu, phát triển hệ thống chợ biên giới. Vận dụng kinh nghiệm quốc tế một cách có hiệu quả vào phát triển thương mại biên giới.

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hiện Chương trình nâng cao năng lực của cán bộ, công chức của Bộ Công Thương trong điều kiện mới

7.1. Công bố công khai, minh bạch mọi thủ tục, quy trình tác nghiệp, người chịu trách nhiệm và thời gian thực hiện các thủ tục hành chính ở các đơn vị thuộc Bộ để doanh nghiệp và người dân biết, giám sát việc thực hiện.

7.2. Hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại ở địa phương, phối hợp với Bộ Nội vụ xây dựng mô hình tổ chức quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại ở địa phương nhằm bảo đảm tính thống nhất và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; Đẩy mạnh việc phân cấp, đảm bảo tính hệ thống, sự tương thích trong các lĩnh vực; ban hành cơ chế kiểm tra việc thực hiện phân cấp, gắn phân cấp với công tác kiểm tra, giám sát.

7.3. Tiêu chuẩn hoá chất lượng cán bộ, công chức; lập kế hoạch đào tạo lại đội ngũ công chức, viên chức thuộc Bộ theo yêu cầu mới. Trong đó, tập trung đào tạo đội ngũ chuyên gia đàm phán thương mại quốc tế tại các cơ sở đào tạo quốc tế có uy tín, để đàm phán và xử lý hiệu quả các tranh chấp có thể xảy ra trong quá trình thực thi các cam kết WTO và các định chế khác;

7.4. Kiện toàn các cơ quan đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài để triển khai có hiệu quả đường lối đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta; Tăng cường cán bộ am hiểu về kinh tế và thương mại quốc tế, năng động và có tinh thần trách nhiệm cao; Phát huy vai trò chủ động của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài trong việc phối hợp với cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan liên quan trong nước để phát triển thị trường, xuất khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc bảo vệ quyền lợi của Việt Nam trong các vụ tranh chấp thương mại; Tổ chức cơ quan đại diện của Việt Nam tại WTO đủ về số lượng, nâng cao chất lượng để phối hợp với các cơ quan trong nước, hoạt động hiệu quả và tham gia đàm phán đa phương và song phương với các đối tác trong WTO.

8. Phối hợp với Văn phòng chính phủ theo dõi, đôn đốc đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ.

8.1. Thường xuyên trao đổi, phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ việc đôn đốc các Bộ, ngành và địa phương xây dựng và thực hiện Chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết 16/2007/NQ-CP.

8.2. Xây dựng khung theo dõi việc thực hiện Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP trên phạm vi cả nước để báo cáo định kỳ (hàng năm), kiến nghị với Chính phủ việc bổ sung, điều chỉnh tiến độ và nội dung nhiệm vụ của các Bộ, ngành

nhằm đảm bảo tiến độ, tính thống nhất, tránh sự chồng chéo, trùng lắp trong việc triển khai Nghị quyết 16/2007/NQ-CP.

8.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp việc triển khai chương trình, kế hoạch hành động của các Bộ, ngành và địa phương thực hiện Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP của Chính phủ cho năm 2007, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31/12/2007.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung chủ yếu trong Chương trình hành động, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương; Giám đốc các Sở Công nghiệp, Sở Thương mại; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các tập đoàn, Tổng công ty, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ, (sau đây gọi chung là Thủ trưởng các đơn vị) khẩn trương triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ngành Công Thương, trong giai đoạn 2007-2012 và cụ thể hóa thành các mục tiêu hàng năm của đơn vị.

2. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm xây dựng đề án chi tiết, triển khai nhiệm vụ được giao trình lãnh đạo Bộ phê duyệt; kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình và định kỳ hàng năm, hàng quý báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các địa phương tình hình thực hiện chương trình.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, xét thấy cần bổ sung, sửa đổi những nội dung cụ thể, Thủ trưởng các đơn vị báo cáo Bộ trưởng để xem xét, quyết định.

4. Chánh Văn phòng Bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình của các đơn vị, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết, bảo đảm chương trình được thực hiện hiệu quả và đồng bộ./.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

Phụ lục

NHỮNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN TỪ NĂM 2007 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1958 /QĐ-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
I.	**TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN VÀ QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ NHỮNG CƠ HỘI, THÁCH THỨC SAU KHI VIỆT NAM GIA NHẬP WTO**				
1.	Tổ chức tập huấn cho cán bộ ngành công thương về chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với hội nhập kinh tế quốc tế và phổ biến các cam kết của Việt Nam với WTO, ASEAN, ASEAN+ và các cam kết khác.	Vụ Tổ chức Cán bộ	Văn phòng UBQG về Hợp tác kinh tế quốc tế, Vụ CSTM Đa biên và các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Các lớp tập huấn	2008-2009
2.	Phối hợp với các cơ quan truyền thông nhằm thực hiện các chương trình phát thanh và truyền hình tuyên truyền chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với hội nhập kinh tế quốc tế.	Văn phòng UBQG về Hợp tác kinh tế quốc tế	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Các chương trình phát thanh và truyền hình	2007-2010
3.	Xuất bản các ấn phẩm, tài liệu giới thiệu và nghiên cứu về WTO và các vấn đề của Việt Nam khi gia nhập WTO	Văn phòng UBQG về Hợp tác kinh tế quốc tế	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Các bài viết, bài nói, ấn phẩm về WTO	2007-2010
II.	**HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG THỂ CHẾ, PHÁP LUẬT TẠO THUẬN LỢI CHO PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI**				

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
4.	Rà soát các nội dung cam kết sẽ được thực hiện ngay và áp dụng trực tiếp trong các hoạt động sản xuất công nghiệp, xuất-nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ, dịch vụ thương mại để xây dựng hoặc bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thực hiện cam kết trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị thuộc Bọ và các Bộ ngành liên quan	Chương trình xây dựng pháp luật của Bộ Công Thương sửa đổi	2008
5.	Hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường phát điện cạnh tranh đi vào hoạt động từ cuối năm 2009	Cục Điều tiết điện lực	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Các VBQPPL	2009
6.	Xây dựng và hoàn thiện đề án cơ chế cảnh báo sớm đối với các mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn.	Cục Quản lý Cạnh tranh	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2008
III.	**HOÀN THIỆN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CỦA SẢN PHẨM, DOANH NGHIỆP VÀ QUỐC GIA**				
7.	Chiến lược tổng thể nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm công nghiệp mũi nhọn và tiềm năng của Việt nam giai đoạn đến 2020	Viện nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp chủ trì	Vụ Cơ khí, luyện kim và hoá chất;Vụ Công nghiệp hàng tiêu dùng và thực phẩm và các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg CP.	2008 - 2009
8.	Triển khai xây dựng các Quy hoạch: Phát triển công nghiệp vùng ven biển Việt Nam; Phát triển công nghiệp chế biến gỗ; Phát triển công nghiệp hoá dược Việt Nam; Phát triển ngành sản xuất thiết bị xây dựng; Phát triển công nghiệp vùng tam giác Việt Nam – Lào – Cam pu chia giai đoạn 2008-2015 có xét đến năm 2025	Viện nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Các quyết định của T.Tg.CP	2008-2010

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
9.	Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành công thương	Cục Công nghiệp địa phương chủ trì	Vụ Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg CP.	2008-2009
10.	Đề án xây dựng thị trường phát điện cạnh tranh, đa dạng hóa nguồn cung cấp điện.	Cục điều tiết điện lực	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg C.P	2008
11.	Xây dựng Chương trình quốc gia Tiết kiệm năng lượng	Vụ Khoa học công nghệ	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg CP.	2008-2009
12.	Đề án dự trữ nguồn nhiên liệu phục vụ an ninh năng lượng quốc gia	Vụ Năng lượng dầu khí	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg CP.	2008
13.	Đề án phát triển nguồn năng lượng mặt trời, năng lượng gió	Vụ Năng lượng dầu khí	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2008-2009
14.	Chính sách đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) các sản phẩm công nghiệp của Việt Nam.	Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì	Viện Nghiên cứu Chiến lược và chính sách công nghiệp và các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg CP.	2008
15.	Đề án phát triển sản xuất nguyên phụ liệu dệt may, da giày	Vụ Công nghiệp tiêu dùng thực phẩm	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2008
16.	Đề án rà soát, đánh giá thực trạng tổng thể môi trường công nghiệp của Việt Nam, đề xuất giải pháp, chính sách bảo vệ môi trường	Cục Kỹ thuật an toàn công nghiệp	Vụ Khoa học công nghệ và các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Đề án báo cáo Bộ trưởng	2008

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
IV.	**ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU ĐỂ GIẢM NHẬP SIÊU**				
17.	Rà soát, điều chỉnh đề án phát triển xuất khẩu giai đoạn 2006-2010	Vụ Xuất-Nhập khẩu	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg CP.	2008-2009
18.	Đề án phát triển xuất khẩu giai đoạn 2011-2015	Vụ Xuất-Nhập khẩu	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg CP.	2009
19.	Đề án xây dựng chính sách phát triển các dịch vụ quan trọng phục vụ sản xuất công nghiệp và thương mại đến 2015	Viện Chiến lược và chính sách công nghiệp	Vụ Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2008
20.	Đề án đổi mới và nâng cao hiệu quả của công tác xúc tiến thương mại trong bối cảnh mới	Cục Xúc tiến Thương mại	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg CP.	2008-2009
21.	Chương trình quốc gia hỗ trợ cung cấp thông tin thương mại cho các doanh nghiệp	Trung tâm thông tin thương mại	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg CP.	2008-2009
V.	**PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRÊN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA.**				
22.	Xây dựng quy chế quản lý hệ thống phân phối một số hàng hóa quan trọng trong nền kinh tế	Vụ CSTTTN	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2008
23.	Tiêu chí và hướng dẫn phát triển các loại hình tổ chức kinh doanh thương mại nội địa.	Vụ CSTTTN	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2008
24.	Đề án nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường hàng hoá công nghiệp theo Quyết định của	Cục quản lý thị	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ,	Quyết định của Bộ	2008

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
	Chính phủ.	trường	ngành có liên quan	trưởng	
25.	Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh của dịch vụ phân phối và một số dịch vụ thương mại của Việt Nam.	Vụ Kế hoạch và Đầu tư	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Các Quyết định của Bộ trưởng	2009
26.	Chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại đến 2015	Vụ Kế hoạch và Đầu tư	Vụ CSTTTN và các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành liên quan	Nghị định	2008
27.	Đề án phát triển thương mại vùng biên giới	Vụ Thương mại miền núi và mậu dịch biên giới	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2008
28.	Đề án điều chỉnh, bổ sung các chính sách ưu đãi thương nhân và thị trường vùng khó khăn đối với yêu cầu phát triển thương mại	Vụ Thương mại miền núi và mậu dịch biên giới	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg.CP	2008
VI	**PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN**				
29.	Đề án phát triển và quản lý công nghiệp theo Cụm liên kết công nghiệp.	Cục Công nghiệp địa phương	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2008
30.	Bổ sung và hoàn thiện các chính sách khuyến công và khuyến thương ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.	Cục Công nghiệp địa phương	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg C.P	2008
31.	Xây dựng chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp ở nông thôn đào tạo và sử dụng lao động tại chỗ.	Cục Công nghiệp địa phương	Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của T.Tg C.P	2008

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
VII.	**ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO NĂNG LỰC CÁN BỘ NGÀNH CÔNG THƯƠNG TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI**				
32.	Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng cán bộ, công chức Bộ Công Thương trong bối cảnh mới.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2008
33.	Đề án kiện toàn các cơ quan đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2008
34.	Đề án tổ chức cơ quan đại diện của Việt Nam tại WTO	Vụ Chính sách Thương mại đa biên	Vụ TCCB và các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	
VIII	**PHỐI HỢP VỚI VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ**				
35.	Xây dựng khung theo dõi việc triển khai Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP trên phạm vi cả nước	Vụ Kế hoạch và Đầu tư	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Khung theo dõi	2008
36.	Tổng hợp và báo cáo Chính phủ việc triển khai Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP trên phạm vi cả nước	Vụ Kế hoạch và Đầu tư	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Báo Cáo trình Thủ tướng	2008
37.	Tổng kết, đánh giá tác động của việc thực hiện cam kết WTO đối với Công nghiệp và Thương mại sau 1 năm gia nhập WTO	Văn phòng UBQG về HTKTQT	Các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Bộ trưởng.	2008